TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮCTỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **508**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 11 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hòa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 416/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 23/10/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990;

Nơi ĐKHKTT: Ngõ 20, đường W, tổ dân phố E, phường R, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn T sinh năm 1987;

Nơi ĐKHKTT: Thôn Y, xã U, huyện I, tỉnh O; hiện tạm trú tại: Ngõ 20 đường W, tổ dân phố E, phường R, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong các lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:*

- *Về tình cảm*: Chị Nguyễn Thị Q kết hôn với anh Trịnh Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện I, tỉnh O ngày 19/9/2008, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau cưới, vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau vì anh T chơi bời, nợ nần, bỏ bê con cái, gia đình. Chị đã nhiều lần tạo cơ hội cho anh T nhưng anh không sửa chữa. Chị bị ảnh hưởng tinh thần nghiêm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trịnh Danh A, sinh ngày 02/8/2008, cháu Trịnh Thị Tường S, sinh ngày 27/11/2010, cháu Trịnh Hiểu D, sinh ngày 27/12/2019. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi 03 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm tự do, thu nhập 30 triệu đồng/tháng. Sau khi ly hôn, chị và các con ở nhà tại tổ dân phố E, phường R, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải, bị đơn là anh Trịnh Văn T trình bày*

- *Về tình cảm*: Anh Trịnh Văn T kết hôn với chị Nguyễn Thị Q có đăng ký tại UBND xã P, huyện I, tỉnh O ngày 19/9/2008, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh có chơi chứng khoán dẫn tới thua lỗ. Sau đó anh dừng chơi chứng khoán. Anh có chơi bit coin, vợ anh có đồng ý việc này. Sau này, vợ anh cấm chơi thì anh đã xóa tài khoản và không chơi nữa. Trong quá trình chung sống, vợ anh có những lời lẽ không đúng mực nên anh có đánh vợ. Cách đây 02 tháng, chị Q chủ động sống ly thân với anh. Anh rất yêu vợ, thương con, không muốn gia đình tan vỡ, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, cùng nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh không có cách nào để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm. Anh chỉ có cách đi làm, kiếm nhiều tiền, lo cho gia đình.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trịnh Danh A, sinh ngày 02/8/2008, cháu Trịnh Thị Tường S, sinh ngày 27/11/2010, cháu Trịnh Hiểu D, sinh ngày 27/12/2019. Khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng được nuôi cả 03 con, anh đồng ý, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh làm tự do, thu nhập 20 triệu đồng/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tòa án xác minh tại địa phương cung cấp*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trịnh Văn T sinh sống tại TDP E, phường R, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội từ năm 2008 cho đến nay. Mâu thuẫn của chị Q và anh T phát sinh từ khoảng tháng 02/2023; nguyên nhân là do anh T cờ bạc, nợ nần nhiều. Hiện nay chị Q sống cùng ba con là cháu Trịnh Danh A, cháu Trịnh Thị Tường S và cháu Trịnh Hiểu D. Chị

Q xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giải quyết con chung của anh chị đảm bảo quyền lợi cho trẻ em.

Ý kiến của cháu Trịnh Danh A và cháu Trịnh Thị Tường S: nếu bố mẹ ly hôn, các cháu muốn được ở cùng với mẹ.

Tại phiên toà:

Chị Nguyễn Thị Q có ý kiến: Chị giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh T; được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh Trịnh Văn T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trịnh Văn T có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá về tình cảm, mức độ mâu thuẫn của hai vợ chồng; về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; về thu nhập của hai vợ chồng liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng các Điều 56, 58; 59, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Trịnh Văn T.

Giao các cháu Trịnh Danh A, sinh ngày 02/8/2008, cháu Trịnh Thị Tường S, sinh ngày 27/11/2010, cháu Trịnh Hiểu D, sinh ngày 27/12/2019 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trịnh Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại trụ sở UBND xã P, huyện I, tỉnh O ngày 19/9/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp. Hiện anh T đăng ký tạm trú tại tổ dân phố E, phường R, quận

Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Chị Q đơn phương xin ly hôn anh T, yêu cầu của chị Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, đúng quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Trịnh Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung vì anh T chơi bời, cờ bạc, nợ nần, không quan tâm đến gia đình, vợ con; chị đã tạo điều kiện cho anh T sửa chữa nhưng không có kết quả. Bản thân anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2021, do anh chơi chứng khoán dẫn tới thua lỗ, trong quá trình chung sống do chị Q có lời lẽ không đúng mực nên anh có đánh chị Q. Tòa án đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh T xin vắng mặt, anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn giữa anh T và chị Q là do anh T cờ bạc, nợ nần nhiều.

Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng anh T và chị Q mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng khi Tòa án báo gọi đến để hòa giải, anh lại không có mặt, thể hiện việc anh không thực sự tha thiết muốn vợ chồng về đoàn tụ, chị Q yêu cầu được ly hôn là chính đáng. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Q và anh Trịnh Văn T có 03 con chung là cháu Trịnh Danh A, sinh ngày 02/8/2008, cháu Trịnh Thị Tường S, sinh ngày 27/11/2010, cháu Trịnh Hiểu D, sinh ngày 27/12/2019. Ly hôn chị Q và anh T thống nhất sẽ giao cả 03 con chung cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu A và cháu S có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn, các cháu xin ở với chị Q. Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con cho ai nuôi, xuất phát từ quyền lợi của các cháu. Cháu A và cháu S có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Hiểu D còn nhỏ, hơn nữa anh T và chị Q cùng thống nhất giao các con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, sẽ giao cả 03 con cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu anh Trịnh Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

- *Về tài sản chung, công sức, nợ chung:* Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra Tòa án không giải quyết gì khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Q, anh Trịnh Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36; Điều 39, các Điều 146, 147, 227, 262, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q yêu cầu được ly hôn anh Trịnh Văn T.

Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Trịnh Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trịnh Văn T có 03 con chung là: cháu Trịnh Danh A, sinh ngày 02/8/2008, cháu Trịnh Thị Tường S, sinh ngày 27/11/2010, cháu Trịnh Hiếu D, sinh ngày 27/12/2019. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Q và anh Trịnh Văn T, giao 03 con chung là cháu Trịnh Danh A, cháu Trịnh Thị Tường S, cháu Trịnh Hiếu D cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trịnh Văn T cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Trịnh Văn T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai số AA/2020/0044136 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Chị Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trịnh Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm,
- VKSNDTP Hà Nội;
- Cơ quan THADS quận Bắc Từ Liêm;
- UBND xã P, huyện I,
tỉnh O;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA